

Tuần 10 :8/10-13/10/2021

Bài 17: Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ

I. Vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

a. Vị trí:

Là vùng lãnh thổ phía Bắc nước ta

- Phía Bắc giáp Trung Quốc
- Phía Nam giáp vùng Bắc Trung Bộ
- Phía Tây giáp Lào
- Phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ

b. Lãnh thổ

- Diện tích: 100.965 km² chiếm 1/3 diện tích lãnh thổ cả nước
- Dân số 11,5 triệu người chiếm 14,4% dân số cả nước (2002)
- Có đường bờ biển dài

=>Lãnh thổ giàu tiềm năng, dễ giao lưu với nước ngoài và trong nước.

II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên

- Địa hình cao, cắt xẻ mạnh
- Khí hậu có mùa đông lạnh
- Tài nguyên: khoáng sản có nhiều loại, trữ năng thủy điện dồi dào.
- Khó khăn: Mùa đông lạnh, đi lại khó khăn, thảm thực vật bị tàn phá quá mức gây sạt lở đất...Khoáng sản phần lớn có trữ lượng nhỏ, phân bố rải rác.

III. Đặc điểm dân cư, xã hội:

Giảm tải (hs tự đọc)

Bài 18: Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ (tiếp theo)

IV. Tình hình phát triển kinh tế

1. Công nghiệp

- Các ngành phát triển nhất:
- Khai thác khoáng sản: than, sắt...
- Năng lượng: Nhiệt điện, thủy điện
- Các ngành khác: Luyện kim, cơ khí, hóa chất, chế biến lương thực, thực phẩm...

2. Nông nghiệp

- Cây lương thực: lúa và ngô là cây lương thực chính
- Cơ cấu sản phẩm nông nghiệp đa dạng: nhiệt đới, cận nhiệt và ôn đới.
- Một số sản phẩm có giá trị trên thị trường: chè, hồi, hoa quả... chè Mộc Châu, chè San Hà Giang, chè Tân Cương Thái Nguyên...
- Là vùng nuôi nhiều trâu, bò, lợn....
- Nghề trồng rừng phát triển mạnh theo hướng nông – lâm kết hợp.

3. Dịch vụ:

- Thương mại, giao thông vận tải, du lịch có nhiều điều kiện phát triển.
- Du lịch là thế mạnh của vùng.

V. Các trung tâm kinh tế:

- Thái Nguyên
- Việt Trì
- Lạng Sơn
- Hạ Long